

Đi tìm quá khứ

1- Cuộc sống xứ người vốn dĩ đã tràn ngập nỗi buồn xa quê, ông Lương lại càng thấy thấm thía hơn khi phải sống ở một nơi heo hút, quanh quẩn xa tít tận miền cực Bắc nước Mỹ. Thành phố nhỏ bé này được bao bọc bởi mấy chục cái hồ nước thiên nhiên, do vậy quanh năm khí trời luôn luôn se mát dẫu đang là mùa hè. Mùa đông thì băng tuyết phủ trùm trắng xóa, giá rét căm căm.

Ấy thế mà gia đình ông Lương vẫn kiên tâm chịu đựng, dần dà rồi cũng quen đi. Thời gian thấm thoát mới ngày nào mà nay đã mười hai năm lẩn lóc xứ người, cuộc sống mãi bận rộn với chuyện đời thường của cơm, áo, gạo, tiền. Thi thoảng lắm có ai vô tình bất chợt nhắc đến quê hương, ông Lương mới giật mình xót xa quay quắt rồi đâm ra ngơ ngẩn, buồn bã ủ ê. Ông âm thầm lục tìm quyển album cũ kỹ sờn góc, lẩn thẩn lật xem từng tấm hình kỷ niệm, đọc từng dòng thư xưa, những hàng chữ bạc màu mực thời gian. Đôi mắt già như đại đi, dưới cặp kính lão bỗng nhòe nhoẹt rươm rướm có đôi dòng lệ vừa ứa ra từ khóe mi đã lóm đóm sơi bạc. Mỗi lần như thế, ông Lương từ chối không ăn bữa cơm chiều với gia đình. Ông lặng lẽ rút lui vào căn buồng, thui thủi một mình trong cái thế giới riêng biệt của ông với những kỷ niệm, những mảnh đời, những hình ảnh quá khứ ... rồi thần thờ, xót xa hay nhung nhớ mà chỉ mỗi mình ông biết, mỗi mình ông hiểu. Đêm đó ông Lương trần trọc không làm sao để được giấc ngủ.

Đã nhiều lần như thế, phải đến cả tuần lễ ông mới dần dần hồi phục, sinh hoạt bình thường trở lại. Miếng cơm, manh áo bắt ông phải tạm quên đi những kỷ niệm ngày tháng cũ đã làm đau khổ, ray rức trong lòng không ít. Con cháu có hỏi, ông chỉ im lặng quay đi. Mãi rất lâu về sau, ông Lương mới chịu giải thích cho các con biết rằng ông chẳng phải hạng người phụ rầy chóng quên. Ông vẫn hằng ước ao có ngày trở về quê hương. Tấm lòng ông Lương bao dung mà ẩn chứa. Ông thương nhớ người xưa, chốn cũ và kỷ niệm như thương chính bản thân mình, nhưng ông hiểu rằng phần đời còn lại ông cần có trách nhiệm với đứa con gái út. Phải tiếp tục hoàn tất nghĩa vụ cuối cùng với các con, các cháu để lỡ mai này nếu có bất ngờ ra đi vào miền miền viễn thì lòng ông cũng thanh thản, không ân hận chuyện cuộc đời, nên ông còn nấn ná chưa về thăm quê hương được. Với lại, ngày ra đi ôm mối hận tình trong lòng, ông không muốn ngày trở về sự thật phũ phàng sẽ làm hoen ố, mất

đi tình cảm sâu sắc của ông đối với kỷ niệm và con người. Mười hai năm trôi qua lặng lẽ, cứ những tưởng tất cả rồi sẽ dễ dàng lãng quên. Nhưng không, mười hai năm chỉ là con tính của thời gian, còn mối tình chôn sâu trong lòng ông thì vĩnh viễn không thể xóa nhòa để còn thấy rằng lòng mình không hổ thẹn với người ta, trước sau như một.

Ở vào tuổi gần sáu mươi, chiến tranh, ngục tù và muộn phiến của ngày tháng lưu vong đã tàn phá gần hết lẽ sống hồn nhiên đời ông. Đã có một khoảng thời gian khá dài tinh thần ông suy sụp trầm trọng tưởng chừng không gượng nổi. Thế nhưng ông đã thu hết nghị lực để tìm lại thế cân bằng ổn định. Rồi ngày tháng bão giông cũng qua đi, tất cả đã trở thành quá khứ. Ông cố gắng rèn luyện thân thể để lưng vẫn thẳng, mắt vẫn sáng, bước đi vẫn vững chãi, nhưng vết thương tâm hồn thì hầu như bất trị, vẫn thường xuyên nhức nhối dẫu năm tháng đã biến nó thành chai đá. Từ đấy ông sống như một bóng mờ, ôm ấp mơ hoài niệm cứ thao thức, âm ỉ trong lòng. Tuổi đời chồng chất, cuộc sống phong ba thặng trầm thì sức khỏe cũng theo thời gian tiêu hao dần. Thịnh thoảng đã thấy xuất hiện đau xương sưng khớp khi trái gió trở trời; Nửa đêm trong giấc mơ màng đã có nhiều tràng ho dữ dội kéo dài, dấu hiệu của bệnh tật già nua; Đầu óc càng ngày càng mụ mẫm quên trước quên sau, phản ứng cũng chậm chạp, bớt nhiều đi sự tinh tường nhạy bén. Ông Lương biết rằng đời ông đang đi dần vào tuổi xế chiều. Do vậy, ông thiết tha được về thăm quê hương để tìm lại kỷ niệm và biết đâu may mắn ông sẽ gặp lại người xưa.

2- Bốn năm sau giấc mơ trở thành sự thực.

Ông Lương sung sướng cùng gia đình đi tham dự ngày lễ ra trường, tốt nghiệp Đại học của đứa con gái út. Ông thầm nhủ : dẫu sao thì ước mơ của ông cũng đã gặt hái được thành quả. Trách nhiệm kẻ làm cha mẹ đã thành toàn một phần lớn. Đoạn đường tiến thân còn lại phải do chính các con ông tự quyết định chọn lựa.

Thời gian qua ông Lương sống với người vợ hiện tại như một định ước, giữa hai người không có sự hòa hợp, chẳng tìm thấy được hạnh phúc đích thực của tình yêu. Họ sống tương nhượng lẫn nhau vì trách nhiệm nhiều hơn vì tình yêu. Người đàn bà là mẹ của những đứa con ông thương yêu, lo lắng, đùm bọc cũng hững hờ lạnh nhạt, có khi còn ra mặt chống đối ông. Hình như bà chỉ tìm thấy được nguồn hạnh phúc ở những thú vui khác, người khác chứ không phải ở nơi chồng con mình. Trước đây ông Lương đã có lần nghĩ đến chuyện ly dị.

Ông biết, đôi lúc sự chia tay chưa hẳn là điều đau khổ nhất, còn miễn cưỡng với một người đàn bà không thuộc về mình mà vẫn phải chung sống với nhau thì đó mới là điều làm mình khổ đau suốt đời. Nhưng ông Lương đã quen sống chịu đựng, hy sinh và tuổi tác cũng già rồi, còn thời gian đâu nữa mà làm lại từ đầu, đã nhọc trí mà còn bị mang tiếng với đời. Ông cần thiết sống và phải sống cho tương lai của bầy con cháu hơn là cho ích kỷ cá nhân mình. Nghĩ vậy rồi ông lẳng lặng chấp nhận, lẳng lặng cúi đầu bỏ qua mọi xung khắc với người đàn bà định mệnh, để tiếp tục sống bên cạnh đời nhau trong suốt đoạn đường còn lại như là một an bài trớ trêu, một ràng buộc khắc nghiệt của phần số đã sẵn dành cho ông, có cưỡng cũng chẳng được. Cuộc đời ông có hai mối tình lớn đã trở thành là hai cội nguồn bất hạnh nhất trong đời. Biết thế nhưng ông Lương đành ngậm miệng làm thinh cho vui cửa vui nhà. Ông lặng lẽ thu mình vào cái thế giới riêng tư của sách vở văn chương, âm thầm thao thức với quá khứ và gặm nhấm nỗi đau cuộc đời cho qua một kiếp người. Ông cố vui sống bên đàn con cháu để quên đi mọi ám ảnh đau buồn của quá khứ lẫn hiện tại.

Lần này ông quyết định dẫn con gái về thăm quê hương một chuyến, xem đó như là một phần thưởng dành cho sự cố gắng học hành thành đạt của con. Và lại trong lòng ông cũng đã nôn nao chờ đợi ngày ấy từ lâu rồi.

3- Ông Lương trở lại quê hương vào những ngày đầu mùa hè, sau mười sáu năm lìa xa tổ quốc. Không làm sao kể xiết cảm giác bồi hồi, xúc động khi nhìn lại đồng bào của mình trên những cánh đồng hay thành thị; Cái tâm trạng vui mừng của một người đi xa nhiều năm trở về. Tất cả đã thay đổi đến tận cùng, những dấu vết ngày xưa hầu như chẳng còn lưu lại một chút nào trên cõi đời. Nhịp sống xã hội chuyển động khác thường, xô bồ, giành giật, đối trá chẳng giống cái thân ái bình an ngày xưa. Bạn bè cũ may mắn còn sống sót dăm dĩa nay cũng thất tán xiêu lạc tứ phương, mỗi người một nẻo. Trong dòng đời sôi động xa lạ đó, một ngày ông Lương lặng lẽ tìm về thăm lại mảnh đất kỷ niệm quá khứ. Ông thầm hỏi: sau chiến tranh đã có mấy người như ông? Xe chạy ngang qua những vùng đất hoang lổ mọc đầy lau lách và rác rưởi như những vết lở loét trên thân thể quê mẹ bị đạn bom đục khoét vẫn còn rải rác đó đây. Đường vào làng phải ngang qua một vạt rừng mua tím thắm màu hoa buồn như ánh mắt rưng rưng của người con gái năm nào đã tiễn ông lên đường vào

nơi gió cát. Lòng ông tái tê. Bên ngoài cái vẻ cứng rắn, thản nhiên và táo bạo của người lính chỉ huy thời chiến thì bên trong chỉ là nỗi buồn mênh mang ngự trị, của ánh mắt cô giáo trẻ một thời rạng rỡ, một thời xao xuyến. Ngày đó ông Lương còn rất trẻ. Người lính phong trần ra đi đã mang theo bên mình đôi mắt sầu mọng đắm đuối của người yêu trên khắp nẻo đường quân hành. Nụ cười, mái tóc, nhân dáng, ánh mắt, bước đi... mỗi thứ đều có mảnh lực thu hút riêng để nhớ, để thương, để tương tư, vương vấn đầy ắp trong tâm hồn người lính đang miệt mài bước đường vô định.

Hai mươi lăm năm trôi nổi với hơn chín năm tù đày và mười sáu năm làm thân vong quốc, cuộc đời vốn đã sang trang. Không biết em có còn lẻ loi đứng giữa trời đất thênh thang mà tiếc thương mộng ước tan vỡ ngày xưa? Dẫu sao thì ông cũng xin chịu mang một phần trách nhiệm. Cái khí độ kẻ sĩ không bao giờ mất đi trong nhân cách người lính Cộng hòa. Ông không bao giờ chạy chối sự thật. Không làm sao quên được buổi chiều dừng quân bên cánh rừng mưa trong đoạn đời chiến binh đầy bất an nhưng nhiều chất sống. Thương quá, yêu quá những ngày tháng sống trong mịt mùng lửa đạn nhưng vẫn không hề mất nhau, vẫn luôn có nhịp thở riêng ngọt ngào, kỳ diệu mãi réo gọi trong tim người con gái đang âm thầm dõi mắt ngày đêm ngóng trông đợi chờ. Ngày ấy sao mà đậm thắm ngọt ngào quá, giống như những cánh mưa đất lá nhỏ, dày, mượt mà, êm ái như nhung mọc trên quê hương em. Rồi chiến tranh càng lúc càng trở nên khốc liệt, tàn bạo và bi thảm hơn trước khi kết thúc. Một ngày, trên vùng đất ngập đầy tử khí nơi địa đầu tổ quốc, bỗng ông Lương bị tước đoạt tất cả để trở thành người lính thua trận. Đoạn đời ông bắt đầu một bước ngoặt lớn trong cùm gông ngục tù. Ông tập làm quen với đày ải, bất hạnh và lãng quên. Hơn chín năm đọa đày trở về, ông trở thành kẻ xa lạ ngay chính trên quê hương mình. Trời đất thênh thang mà ông thì chẳng có một chỗ nhỏ nhoi nào để dung thân. Tháng ngày lê lét sống vất vưởng bên lề xã hội, ông nhận ra được nhiều bộ mặt giả nhân giả nghĩa ghê tởm và bỗng nhiên ông đâm ra hoài nghi tất cả. Tâm tình ông Lương ngày đó chỉ còn ắp ủ hoài vọng bóng người xưa, khao khát được tái ngộ tương phùng nhưng rồi bất ngờ nhận được tin em đã lấy chồng phương xa. Không nữa lời oán trách. Ông biết, tận cùng trái tim của em vẫn muốn làm một người vợ vọng phu hơn là làm thân con gái khổ đau năm tháng vọng tình nhân. Chiến trận, chết chóc và ngục tù, mười năm bần bật bóng tin tăm cá, biết người xưa còn sống hay đã chết mà

đợi mà chờ trong vô vọng. Vả lại tuổi xuân của đời con gái cũng ngắn ngủi, chóng tàn phai. Ông Lương chỉ thấy lòng mình đau đớn đến tan nát và xót xa thâm nghĩ, thôi thì tìm gặp lại nhau phỏng có ích gì khi mệnh đời đã trói buộc cả hai vào một hoàn cảnh éo le ngang trái, rủi nhiều may chẳng hề có. Thua thiệt là số phận đã dành sẵn cho những con người bại trận, ông chấp nhận làm kẻ mất tất cả. Do vậy ông chịu đựng sống và một ngày âm thầm ôm mớ kỷ niệm mỗi tình dang dở, lẳng lặng rời bỏ quê hương ra đi. Mười sáu năm dài đằng đẵng, cứ những tưởng chẳng bao giờ có cơ may trở lại quê hương. Thế nhưng thời cuộc ngày nay đã xoay vần, thế trận bàn cờ quốc tế có nhiều thay đổi. Kẻ thù không những tỏ ra thân thiện mà còn mở rộng vòng tay ve vuốt, ưu ái cho những con người bỏ tổ quốc ra đi năm xưa trở về, hầu kiếm vốn đầu tư nuôi sống chế độ. Người lính già tìm thăm nơi chốn kỷ niệm. Ông ước ao một lần đối diện nhìn tận mặt cố nhân. Trời biết, đất biết lòng người xưa đang nghĩ gì khi lần bước trở về chốn cũ, lúc mái đầu đã bạc màu thời gian sương gió.

4- Chuyến xe đồ chờ khách chạy ngang qua đèo Cả. Con đường quốc lộ I ngoằn ngoèo quanh co nối liền hai vùng đồng bằng, khỏi bị ngăn cách bởi bức tường núi rừng hiểm trở của ngọn Đại Lãnh. Những dãy núi mù sương nhấp nhô nằm ở phía Tây, biển trời mênh mông lộng gió ở phía Đông; Một bên núi cao sừng sững trùng điệp, một bên vực thác sâu thăm mịt mùng. Ngồi trên xe chạy qua giữa vùng biển rộng non cao, con đường quanh co uốn khúc hiểm nghèo khiến khách quá quan cũng lấm lức thấp thỏm lo âu. Cảnh thiên nhiên tưởng như xung khắc nhau thật ra lại hài hòa kết nối với nhau hết sức khít khao, khiến lòng người thường ngoạn bộc phát nổi niềm cảm xúc rung động dạt dào. Tâm hồn ông Lương thoáng chốc bổng chùng xuống, nhẹ nhàng thanh thản như mây trời lẳng đàng mà có lúc cũng hào hứng cao ngất như ngọn sóng bạc đầu trắng xóa vỗ ì ãm bất tận phía dưới chân đèo. Kỷ niệm xưa bỗng ào ạt đổ về như trùng dương dồn dập bất tận, mang mùi biển mặn đầy áp tình sâu nghĩa nặng đang từng lúc réo gọi. Hồi tưởng ngày tháng cũ khiến lòng ông Lương rưng rưng bồi hồi, chạnh nhớ lại mấy câu hát dân ca của khách đã tình thưở trước:

*Bước chân lên Đèo Cả,
Trông vào Vạn Giã,
Ngó lại Tu Bông,
Biết rằng cha mẹ đành không?
Anh chờ em đợi ổng công hai đàng.*

hoặc những vần thơ minh thệ son sắt, khăng khái của kẻ vốn xem trọng nghĩa tình:

*Con ngựa tía ăn quanh Đèo Cả,
Bóng trắng rằm sắp ngã về đông,
Chẳng thà giục mã về không,*

Chớ chẳng thèm cướp vợ tranh chồng người ta.

Ôi! tâm tình người xưa sao mà cao thượng quá, thế mà người thời nay không biết học hỏi noi theo mà lại đành đoạן cứ mãi làm khổ nhau?

Phong cảnh ghèngh Đại Lãnh trái rộng trước mắt, vừa hùng vĩ vừa hữu tình như nhòe nhoẹt trong dòng lệ người về. Xe lên đến trạm Phú Hòa ngay trên đỉnh đèo thì dừng lại để kiểm soát. Nhìn thái độ gay gắt, ánh mắt soi mói của công an làm nhiệm vụ và vẻ sợ sệt im lặng của người dân trên xe, ông Lương chợt nhớ lại ngày xưa khói lửa. Những người lính trận trang bị ba lô nón sắt, súng đạn đầy mình cũng có lúc giúp nhân viên công lực làm nút chặn ở trên đèo và ở cả hai đầu hầm xe lửa số 6 và 7 của tỉnh Phú Yên và Khánh Hòa hầu ngăn chặn sự trà trộn của địch, giữ gìn an ninh và bảo vệ sinh mạng, tài sản lương dân. Mệnh đời đổi thay bi thảm, cũng cùng một công việc nhưng ý nghĩa và cung cách đối xử thì khác nhau xa vời...

Một lúc sau xe khởi hành lại, bắt đầu đổ dốc xuống phía đèo Nam. Nằm cách chân đèo không xa là bãi Đại Lãnh rộng chừng hai cây số, cát trắng mịn trải dài và những hàng dương liễu xanh éo lá mọc chen chúc thành rừng. Lừa thừa đó đây vài túp nhà tranh dựng đơn sơ, của những người dân nghèo chuyên đốt củi đốt than bán cho xe đồ xuôi ngược. Gió biển lộng lộng, tiếng thùy dương vi vu, tiếng sóng xào xạc vỗ bờ hòa cùng màu xanh của nước, màu trắng của cát và diệp lục của cây... tất cả như tiếp vào nhau quyện lẫn đầy thi vị sáng khoái, ban phát cho con người cảm giác hoàn toàn thư giãn sau những nhọc nhằn khốn khó của cuộc đời. Không những thế, thiên nhiên còn tạo thành một bức tranh sinh động hoàn mỹ, ôm ấp gắn bó và dung chứa tất cả những khoảng đời đầy tình sâu nghĩa nặng của biết bao thế hệ đất nước con người thăng trầm, của ăm ắp hồn quê dạt dào lai láng keo sơn gắn bó. Thế mới hiểu vì sao trong dòng lịch sử dân tộc đã có hàng hà sa số con người sẵn sàng da ngựa bọc thây, xem cái chết nhẹ tựa lông hồng để cho quê hương được tươi đẹp, tổ quốc mãi mãi được tồn sinh.

Xe chạy qua khỏi ghèngh một đoạn, quốc lộ I như bị thu hẹp lại với hai dãy hàng quán và những túp lều bán trái cây mọc dài theo bên đường. Ông Lương xuống xe đứng im lìm hồi lâu, ngó ngang nhìn cảnh vật đổi thay toàn diện. Ông không

mường tượng ra nổi một tí gì của ngày xưa rồi lòng tự bảo: “Đã hăm lăm năm rồi chứ ít ỏi gì sao?” Ông vào một quán nhỏ ven quốc lộ, uống ly nước giải khát tiện thể hỏi thăm đường đi Bến Cát. Họ chỉ cho ông một lối mòn thoai thoải sau ngọn đồi thấp lè tè mọc đầy những cây mua đất, dẫn sâu vào đám loạn thạch nằm chên vênh phơi mình bên sườn núi chói chang ánh nắng mặt trời. Ngọn đồi loang lổ những vết đào xới như những chùm nấm lang ben trên thân thể người già. Qua khỏi đám đá lô nhô, phía trước hiện ra rừng thùy dương chạy dọc theo con đường tráng nhựa nối liền quốc lộ dẫn vào khu du lịch sầm uất. Nơi đó ngày xưa là vùng đất hoang vu mọc toàn cỏ gai, cỏ cú dùng làm bãi đổ rác. Làng chài Bến Cát nhỏ bé nằm lẻ loi thấp xuống bên dưới. Đứng rồi, đứng là nơi ông muốn tìm. Gió biển thông thốc thổi vào cuốn đám lá khô bay tứ tung loạn xạ. Phải mất nửa giờ sau ông Lương mới tìm được nơi muốn đến. Cái nóng ngột ngạt giữa trưa hè khi vượt qua lũng cát nóng như thiêu như đốt, thấp thoáng nhiều bóng người lom khom chăm chú đào xới và chỉ thoáng dừng lại lúc ông Lương đặt bước chân trên con đường làng nhỏ hẹp vắng vẻ, rợp bóng cây xanh. Người dân ở đây đi đâu hết, chỉ còn lơ thơ lại vài đứa trẻ và mấy cụ già ngồi giữ cháu dưới bóng mát trước hiên nhà. Chấm dứt đạn bom rồi nên đất nước cũng thay da đổi thịt dần theo với màu xanh cây cối. Cảnh cũ bây giờ sao xa lạ quá, nhà nào phía trước cũng trồng nhiều dừa, bên hông nhà vun vài bụi cà chua, ớt, rau thơm và những gốc mía voi thân to bằng cổ tay, vỏ màu vàng hoặc tía, cao lút đầu người. Phía vườn sau trồng những cây ăn trái cam, xoài, măng cầu và nhiều nhất là thanh long, đặc sản của miền quê này mà hầu như không nơi đâu có nhiều và ngon bằng. Có nhà chuyên trồng xoài, nghe đâu để bán cho nhà nước xuất khẩu qua Tàu.

Mới nhìn qua tưởng đâu cuộc sống người dân ở đây nhàn hạ, sung túc lắm nhưng thực tế không phải thế. Ông Lương chỉ biết sự thật khi tạt vào ngôi quán nhỏ ngồi uống nước nghỉ chân và tình cờ nghe được câu chuyện kháo của đám dân nghèo làm đủ mọi nghề để kiếm sống.

Ngôi quán nằm trơ vơ bên vách đá như một tai nấm khổng lồ đen sì dưới màu xanh của cây mù u cao lớn, che bóng râm rợp mát cả một vùng. Ngồi trong quán mà ông Lương cứ ngờ ngợ, cảm giác hình như nơi đây quen thuộc lắm, như thể đã nhiều lần ông đặt chân đến. Quán rất rộng, mái lợp ngói âm dương đã cũ, bên trong ngăn ra thành nhiều phần, mỗi phần là một căn hộ nhỏ. Những bức tường gạch thô tháp, sù sì không được tô trát xi

măng, loang lổ như một tổ ong. Bên đụn cát cạnh hông nhà, lơ thơ những gốc điều mới trồng cao ngang đầu gối. Trưa nắng, quán vắng khách. Ông Lương gọi một ly thanh long đặc sản và hỏi người đàn bà chủ quán về cô giáo tên Ba Thương trước đây. Bà chăm chăm nhìn ông soi mói. Ông giải thích là ở xa đến tìm thăm người quen. Người đàn bà đôi mắt lác liên, lẳng lặng lắc đầu rồi quay đi. Một lát sau bung ra ly thanh long được cắt thành từng miếng nhỏ màu tím nhạt có lấm tấm những hạt đen nhỏ xíu, mắt bà ta liếc nhanh quan sát người lạ. Ông Lương lơ đãng cầm chiếc thìa dầm dầm cho nát mấy miếng trái cây. Ông nhớ ngày xưa ở đây cũng có thanh long nhưng không nhiều như Khánh Hòa, vì chiến tranh người ta bỏ đi hết nên vườn tược chẳng có ai trồng trọt. Gì chứ thanh long thì quê hương này là nhất nước và hầu như chẳng có nơi nào trồng nhiều bằng. Phan Rang, Ban mê Thuật, miền Tây cũng không làm sao bì được với thanh long ở Đại Lãnh Khánh Hòa, trái lớn tròn, da láng màu hồng cánh sen, đuôi nhỏ màu lá chuối non. Chưa cần ăn, chỉ mới nhìn thoáng qua cũng đủ mát cả mắt. Thanh long tuy thân mềm ẻo lả, phải sống bám vào trụ cây mới phát triển nhưng lại rất sây trái. Có lẽ nhờ khí hậu ôn hòa, phong thổ thích hợp hay bởi khách lãng du phương xa lưu luyến tình người dân hiền lành, chân thật như lời ru êm ái ngàn đời của biển mặn rừng xanh. Thanh Long như hình ảnh một người con gái nhu mì, xinh đẹp cần nương tựa bóng tùng quân, nguyện trao thân gởi phận.

Một tốp năm, sáu người lính kính bao bì cuốc xẻng từ trắng cát nắng chang chang kéo vào quán. Họ chuyện trò oang oang làm cắt ngang dòng hồi tưởng của ông Lương. Nghe câu chuyện mới biết họ chuyên nghề bắt *dông* bán cho mấy quán nhậu. *Dông* là động vật thuộc giống bò sát. Nghe đâu thịt nó rất ngon và bổ dưỡng, nên phong trào nhậu thịt *dông* đang thịnh hành, giúp cho người dân thất nghiệp ở đây một thời kiếm sống nhờ vào nghề mới mẻ kỳ lạ này.

Đám người uống xong mấy ly nước, trả tiền rồi kéo nhau đi. Một chị đàn bà còn nấn ná ở lại, bước đến bên cái trang thờ đặt dưới gốc cây mù u khổng lồ, đốt mấy nén nhang khấn vái rồi cắm vào lư hương đầy ắp chân nhang. Có lẽ chị cầu xin hôm nay may mắn bắt được nhiều *dông*. Ông Lương lơ đãng nhìn theo bước chân đám người đầu tắt mặt tối với cái nghề thời cơ bất đắc dĩ này. Thành linh tâm can rúng động, ông Lương chợt hiểu vì sao ông có cái cảm giác quen thuộc nơi này. À, thì ra là vậy. Ông nhìn qua một vòng địa thế

chung quanh. Ký ức dần dần hồi phục, cùng lúc ông nhớ lại hết thảy những chuyện xa xưa.

Ngày xưa nơi đây là một ngôi chùa, bên gốc cây mù u lâu năm là một miếu nhỏ thờ oan hồn do gia đình các nạn nhân xe khách bị trúng mìn chết, lập ra để nhang khói. Sau đó, thêm vụ xe đò mất thắng đâm vào sườn núi gây nhiều thương vong. Từ đấy người ta đồn rằng đoạn đường này rất hung hiểm do oan hồn những người chết gây ra, nên các tài xế ngược xuôi thường ghé vào cúng bái. Lâu dần trở thành thông lệ, miếu thờ bỗng chốc có tiếng linh thiêng.

Sau ngày miền Nam thất thủ, miếu thờ oan hồn bị đập phá vì phong trào bài trừ mê tín dị đoan đã đành, nhưng không hiểu vì sao ngôi chùa cũng biến thành nhà ở, thành quán bán giải khát? Thì ra chủ nghĩa vô thần của những người chủ mới đã chiếm đoạt chùa, đã không còn nể nang gì đến lòng tin tín ngưỡng của người dân.

Ông Lương đứng dậy trả tiền. Ông tìm đến căn nhà gần nhất để hỏi thăm tin tức lão Từ giữ chùa. May mắn gặp được một cụ già tốt bụng biết rõ lão Từ. Cụ bảo đưa cháu nhỏ dẫn đường cho ông Lương đi đến khu vườn trồng cây ăn trái rộng lớn gần đó. Đến nơi, Bé chỉ căn chòi lá nghèo nàn xiêu vẹo nằm trơ dưới tàng cây vú sữa sum suê, cách khu du lịch một quãng không xa, bảo đó là nhà của ông Từ.

Ông Lương xoa đầu bé nói cảm ơn và cho nó chút tiền rồi đi mau vào căn chòi.

Một ông già tuổi ngoài sáu mươi mặc bộ quần áo nâu sòng cũ kỹ bạc màu, đầu cạo trọc, thân hình gầy gò đang lom khom bên bếp lửa. Thấy người lạ đến, lão ngoảnh nhìn ra nói nhỏ:

- Mời khách ngồi nghỉ chân chốc lát. Xin lỗi, tôi đang bắt lờ nồi cơm.

Ông Lương nhẹ gật đầu, chăm chăm nhìn lão già. Xúc động làm ông nghẹn ngào không nói nên lời, chỉ đứng chôn chân một chỗ. Cảnh cơ hàn khiến lòng ông chùng xuống, đau xót. Mái chòi chật hẹp lợp tranh cũ kỹ được thưng bằng gỗ tạp che không kín gió. Một cái bàn thờ Phật, bên trên đặt nải chuối với vài loại quả xanh. Bình cắm bông trống không, chiếc lư hương nhỏ bằng đất nung, hai bên có đặt chuông và mõ. Lão Từ chỉ tay vào chiếc chõng tre vừa đủ cho một người nằm, mời ông Lương ngồi tạm. Nhìn chiếc giường ọp ẹp, lòng ông Lương quặn thắt. Lát sau lão Từ đứng lên, đưa bàn tay dụi dụi mắt vì khói bếp. Vai bên phải hơi nhô cao, còn vai bên trái thì sệ xuống một tí như có tật. Đôi mắt ông già hiện lạnh đã biến thành màu trắng đục bởi thời gian và nhọc nhằn.

Lão rót nước chè ra ly đặt lên khúc cây cửa ngăn dùng tạm làm bàn, mời khách rồi mở lời:

- Ông muốn thăm vườn hay mua trái cây?

Ông Lương ngờ ngác không hiểu ý lão Từ nói gì. Thấy vậy lão giải thích:

- Chủ vườn qui định, khách du lịch vào thăm vườn cây được hái ăn tự do hay chỉ muốn mua mang đi, hai loại phân biệt giá tiền khác nhau.

Ông Lương chợt hiểu, bây giờ lão Từ là người canh giữ vườn cây ăn trái của khu du lịch. Thấy ông Lương nên lão cứ tưởng là du khách giống như những người khác.

Ông Lương nhẹ lắc đầu, nói nhỏ:

- Tôi không thăm vườn mà cũng không mua trái cây. Tôi chỉ muốn thăm thầy Huệ và chú Từ của ngôi chùa Bến Cát ngày xưa mà thôi.

Lão Từ giật mình, gương cặp mắt trắng đã nhìn sững ông Lương rồi đảo mắt nhìn quanh căn chòi ra đến ngoài sân. Ông Lương trấn an:

- Chú đừng lo, tôi đến đây chỉ có một mình và không ai biết. Vả lại... chú ngại gì chứ? Tôi đến thăm chú không được sao?

Lão Từ trầm ngâm không nói, chỉ đưa mắt quan sát người khách lạ đã biết ông và cả sự phụ của mình. Ông Lương ngồi yên lặng để mặc lão Từ ngắm nghía. Lát sau mới lên tiếng:

- Chú đã nhận ra tôi là ai chưa?

Lão Từ nhẹ lắc đầu. Ông Lương gọi ý:

- Vết thương trên vai chú độ này có còn đau nhức lắm không?

Đột nhiên lão Từ đưa tay sờ vai, mắt mở lớn kinh ngạc. Một thoáng ngỡ ngàng rồi lão mừng rỡ bật reo lên:

- Có phải quan Lương đây không?

Ông Lương chắt lưỡi, gật đầu nói nhỏ:

- Quan với quyền gì bây giờ nữa chú. Thầy Huệ đâu rồi mà chú lại ở đây một mình?

Đôi mắt lão Từ chợt sập xuống, trĩu buồn. Lão bước nhanh đến bên bàn thờ, với tay gỡ mảnh vải đỏ phủ kín trên khung ảnh nhỏ đặt đằng sau tượng Phật. Hình một vị sư già khoát áo cà sa, khuôn mặt hiền lành từ bi, đang ngồi kiết già, tay lần tràng hạt, hai mắt nhắm nghiền.

Ông Lương nhẹ thở dài, hỏi nhỏ:

- Thầy mất bao lâu rồi chú?

5- Tối hôm đó, ông Lương quyết định ở lại căn chòi với lão Từ. Ông còn nhiều việc cần phải hỏi chú tiểu, nhất là chuyện riêng của ông.

Căn nhà ọp ẹp không có chỗ để mắc võng, lão Từ phải chạy lên khách sạn mượn đỡ chiếc chiếu và cái mùng cho ông Lương ngủ tạm, rồi

bươn bả đón xe ôm ra chợ mua ít thức ăn về làm cơm đãi khách. Bữa cơm đạm bạc mà ông Lương lại ăn thật ngon miệng, có lẽ nhờ gói ghém trọn tâm lòng và cả một thời yêu thương kỷ niệm.

Cơm nước xong thì trời đã ngã về Tây, những vạt nắng thoi thóp còn rơi rớt ở bìa vườn. Chiều êm ả và tĩnh lặng lạ lùng. Hai người ngồi nhâm nhi bát nước chè xanh, hàn huyên tâm tình và kể chuyện ngày xưa. Giọng lão Từ đều đều, chậm và buồn man mác ...

... Đơn vị của ông Lương rút quân đi rồi thì tuần sau du kích địa phương và bộ đội chủ lực đổ về vây kín. Họ lùng sục khắp thôn trên xóm dưới, tìm bắt những gia đình có con em đi lính quốc gia hay làm việc trong chính quyền, gom về sân chùa bắt đào hầm làm công sự chiến đấu, không cho ai ra ngoài nửa bước. Sân chùa lõ chỗ đây hố hầm. Họ gỡ cả cửa lớn cửa bé để làm phương tiện trú ẩn giết nhau, chẳng nề nang gì chốn tu hành tôn nghiêm. Điều tệ hại nhất là họ nhốt quá đông người, không đủ chỗ ăn ngủ, tiêu thiếu nên phải phóng uế bừa bãi làm mất vệ sinh, nhất là đang trong mùa hanh khô dịch bệnh dễ phát triển lây lan nên đã có nhiều người ngã bệnh. Thấy vậy, sư Tĩnh Huệ trụ trì chùa và vài vị cao niên bàn nhau xin gặp người chỉ huy bộ đội thỉnh ý. Nhưng họ đâu cần biết đến an nguy của đám người có thân nhân tham gia chống phá họ, nên tuần sau đã có người lâm bệnh nặng rồi chết. Đến lúc này thì thầy Huệ không còn nhân nhượng được nữa, ông lên gặp thẳng người chỉ huy trình bày và xin thả hết dân làng ra về thì mới mong cứu vãn được tình trạng dịch bệnh giết chết nhiều người. Bộ đội không những đã làm ngor mà còn ra lệnh tổng xuất thầy ra khỏi chùa, nhưng thầy cương quyết không đi nếu họ không chịu thả hết người. Cuối cùng, thầy quyết định tuyệt thực để phản đối. Thế rồi vào một đêm trời tối đen như bung mắt, họ âm thầm đột nhập vào chính điện thủ tiêu thầy mất tích cho đến nay. Sự việc đau lòng đó mãi đến sáng hôm sau mới được phát giác khi người ta thấy vết máu loang lổ trên tấm bồ đoàn thầy ngồi. Ngày ấy là ngày thứ ba thầy Huệ tuyệt thực phản đối và cũng là ngày thành phố Nha Trang bị rơi vào tay địch.

Một tuần sau, bất ngờ bộ đội đuổi hết những người trong chùa về nhà kể cả chú Từ, mặc dầu chú đã theo thầy Huệ tu học ở đây nhiều năm. Từ đó họ chiếm giữ luôn ngôi chùa và sau năm 75 tự ý chia thành từng căn riêng cho mấy hộ cán bộ từ ngoài Bắc vào ở.

Ngày đó vết thương của chú Từ tuy đã thuyên giảm nhưng vẫn chưa bình phục hẳn, cánh

tay vẫn còn rất yếu. Ngày bị đuổi ra khỏi chùa, cô giáo Ba Thương đón chú về nuôi ăn ở trong nhà. Cô muốn trả ơn một con người đã can đảm dám gánh tội cho cô trước đây. Cô nhớ ...

... Trước đó, vào đầu năm 75, khi những cánh mai vàng rực rỡ trong sân chùa đang nở rộ. Người dân Bến Cát đã phơi phóng xong mớ cá khô dành để ăn tết. Những tay lưới, tay mảnh, giả cào được đem lên bờ vá sửa giăng đầy khắp bãi và những chiếc thuyền chài, ghe bầu, tam bản cũng đã neo đầy ở bến hoặc kéo lên bờ tu bổ. Mọi người, mọi nhà hân hoan sửa soạn đón xuân thì bất ngờ tiếng súng vang lên dữ dội. Bộ đội đồng loạt tấn công các đồn bót nghĩa quân đóng rải rác trên lãnh thổ Khánh Hòa. Cuộc chiến càng lúc càng ác liệt và kéo dài cả ngày lẫn đêm. Đạn pháo hai bên gầm rít kinh hoàng tưởng như đang tái diễn một Mậu thân thứ hai. Trong làng rải rác đã có người bị thương vong. Một số gia đình sợ hãi kéo nhau lên đường lộ, chạy về hướng lính quốc gia trú đóng để trốn tránh chiến tranh.

Ngày ấy chú Từ đã là một thanh niên ba mươi, do vậy thầy Huệ bảo chú cấp tốc ra đi để tránh cảnh bị địch bắt bổ sung quân số. Tại chân đèo Nam Đại Lãnh, ông Lương - người chỉ huy đơn vị được lệnh khẩn cấp giải tỏa áp lực địch tại vùng Bến Cát, đã kín đáo đến gặp riêng mấy người dân, trong đó có cô Ba Thương và chú Từ để hỏi thăm tình hình quân số, vị trí, hỏa lực của địch ... hầu vạch kế hoạch tái chiếm Bến Cát nhanh nhất mà tránh gây tổn thất đến tính mạng và tài sản nhân dân. Ngày hôm sau địch quân bị đánh bật ra khỏi Bến Cát. Người dân chạy giặc lại bồng bế nhau quay về. Mọi người, mọi nhà hoàn hồn, bình tĩnh và tiếp tục vui đón xuân muộn. Thế rồi bất ngờ vào một đêm tiếng súng lại nổ vang, nhưng chỉ trong vài phút là chấm dứt ngay. Sáng ra mới biết lý do là du kích rình rập tìm bắt bốn người đã giúp chỉ điểm cho đơn vị ông Lương phản công. Chúng gom họ về ngôi chùa làng để xử tội, vì nghĩ rằng ở nơi chốn tôn nghiêm này quân đội cộng hòa không dám bén mảng đến. Chúng lục vắn, tra tấn từng người. Hai mươi năm tu học đạo chốn thiền môn, chú Từ đã chứng ngộ được hạnh bồ-đề-tâm nên khảng khái đứng ra nhận hết trách nhiệm về phần mình và xin lãnh bản án tử hình. Chúng đem cột chú Từ vào cột mai già, bịt mắt rồi đọc lệnh xử tử thì thành linh có tiếng súng nổ. Ông Lương được thầy Huệ cấp báo kịp thời đã bí mật cho binh sĩ đến nơi can thiệp đúng lúc. Việt cộng hoảng hốt bắn sả vào chú Từ rồi tháo chạy nhưng tất cả đều đã bị đèn tội. Chú Từ may mắn thoát chết, tuy nhiên một viên đạn đã

làm bể xương đòn gánh vai trái, để lại vết thương mãi đời. Ông Lương cho y tá băng bó và lập tức cấp xe đưa chú Từ đi bệnh viện cứu chữa.

Lão Từ cúi đầu buồn bã. Cặp mắt rướm rướm hai hàng lệ lăn dài xuống đôi má hóp nhăn nheo già trước tuổi. Nhỏ hơn ông Lương nửa giáp mà xem ra lão Từ hom hém quá. Lão đứng lên châm thêm dầu vào cây đèn hội vệt. Ánh sáng lờ mờ chập chờn không đủ soi rõ thân hình nhỏ nhắn, còm cõi của con người đã đem thân nương nấu chồn cửa thiền, sớm muốn thoát khỏi vòng tục lụy nhưng cũng không được an thân tu hành. Ông Lương nhìn chú Từ, chất lưỡi nghĩ thầm : ngày mai có lẽ phải kiếm người về tu sửa lại căn chòi rách nát và bồi bổ cho chú mới được.

Màn đêm buông xuống dần. Lão Từ giương cặp mắt trắng đục nhìn ra ngoài trời tối, giọng lão bùi ngùi:

- Sau ngày miền Nam thất thủ, người dân ở đây sống trong nỗi lo âu sợ hãi. Đêm thì họp hành, ngày thì mít tinh, hôm thì lao động xã hội chủ nghĩa... Đời sống luôn luôn biến động và đầy rẫy những tai ương chực chờ rình rập. Hiện tại tăm tối, tương lai mù mịt. Những người tham gia trong chính quyền, quân đội miền Nam bị bắt đưa đi tập trung cải tạo tận rừng sâu núi thẳm, không có ngày về. Cô Ba Thương bị chúng trả thù tàn tệ, bắt đầu bằng hình thức đưa ra trước quần chúng kiểm thảo phê bình hàng đêm. Cô ức lòng quá nhưng gia đình khuyên can nên cố gắng nhẫn chịu nhục. Mãi đến ngày chúng nêu ra câu chuyện tình thâm kín giữa hai người để bêu rếu, mạ lỵ ông Lương và chế độ miền Nam thì cô Ba không còn nhịn được nữa. Cô vùng dậy thoát ra khỏi sự níu giữ của mọi người rồi trước làng xóm, trước những tên đầu sỏ cầm quyền, cô hiên ngang nhìn nhận mọi tình với ông. Điều bất ngờ nhất là sau đó cô dũng dạc tuyên bố rằng từ nay cô sẽ ở vậy một mình suốt đời, vĩnh viễn quyết không lấy chồng vì xã hội không còn có ai xứng đáng để cô trao thân gởi phận. Những người cô yêu thương chọn lựa, bây giờ đã nằm hết trong tù rồi, ngoài đời chỉ còn trơ lại toàn một lũ mã đầu ngựa điên. Nói rồi cô ngang nhiên bỏ đi không chịu họp tiếp. Bọn du kích ào đến, súng lên đạn lăm lăm chĩa thẳng vào cô nhưng cô không hề sợ sệt, vẫn ngạo nghễ, thản nhiên bước đi tiếp tục. Cuối cùng chúng xúm lại đánh gục cô rồi trói tay vắt lên xe chở vào trại tù. Một tháng sau gia đình mới nhận được tin nhắn về. Họ xin phép đi thăm nuôi cô. Và đó là lần cuối cùng cô Ba gặp mặt người thân. Vài ngày sau trại giam báo tin là cô đã tự tử chết trong tù. Họ đưa ra một lá thư tuyệt mạng của cô viết gửi

lại cho gia đình và nhận xác cô về chôn. Trong lá thư trời trần có một đoạn cô Ba yêu cầu bà con giữ kín giùm cái chết của cô. Nếu ai có hỏi thì cứ bảo là nàng đã lấy chồng và theo chồng đi lập nghiệp ở phương xa rồi.

6- Ông Lương thẩn thờ rời căn lều, lòng buồn bã và đau đớn vô hạn.

Ông lang thang vô định rồi đi về hướng con đường tráng nhựa của khu du lịch gần đó. Chỉ cách một quãng không xa mà cuộc đời khác nhau như hai thái cực. Một nơi thì âm u buồn bã, còn ở đây thì rợp ánh đèn và rộn rã tiếng nhạc âm ỉ lẫn tiếng nói cười thâu đêm suốt sáng của khách nhàn du. Ông Lương đi vào quầy hàng khách sạn hỏi mua một chai rượu và gói thuốc lá rồi thuê xe ôm chạy ra biển. Lối xuống biển ngoằn ngoèo, len lỏi qua những đồi thông, những tảng đá lô nhô, che khuất dần ánh đèn màu lộng lẫy. Trăng ở đây sáng tỏ lồ lộ, bãi cát phẳng lì và trắng xóa im lìm dưới ánh trăng. Lửa thừa có bóng người tắm đêm.

Hớp rượu đầu tiên sau bao nhiêu năm không uống làm cổ họng ông Lương cay sè, sặt sưa. Nỗi cô đơn, khát vọng yêu thương và cái chết bi thảm của người tình xưa khiến ông hóa đá biến thành câm. Ông tan nát đến tê dại cả cõi lòng. Thêm một hợp nữa hòa tan cùng khói thuốc thấm sâu vào tim can phế phổi, ông Lương chợt thấy cuộc đời phút chốc trở nên vô nghĩa. Hai mươi lăm năm vết đau âm ỉ mưng mủ bỗng hôm nay vỡ miệng tóe máu làm nhứt buốt toàn thân. Ông thờ dãi nâng ly rượu lên lần nữa, cụng cùng biển trăm phần trăm. Biển vẫn mặn như nước mắt vẫn mặn chứ rượu nào đâu có mặn, thế mà sao hôm nay ông uống vào không thấy cay và chẳng hề say. Chai rượu vơi đi mà nỗi đau trong lòng ông cứ tăng dần. Ông Lương ngẩng nhìn vàng trăng lẻ loi đơn chiếc ở trên cao rồi lại nâng ly uống cạn. Ôi! cuộc đời ông sao giống vàng trăng quá, cứ mãi thui thủi nghiêng chiếc bóng một mình. Ông chợt nhớ đến một loài hoa có cái tên kỳ lạ: **hoa giải thoát**. Loài hoa này chỉ dành cho những kẻ yêu nhau mà không lấy được nhau. Họ đau khổ triền miên, họ ngụp lặn trong cuộc tình si và truyền thuyết cho biết, chỉ khi nào chính tay kẻ si tình mang trồng cây cái xuống đất mà nở được hoa thì họ mới được giải thoát khỏi mối tình bi lụy của mình. Ông Lương lại nâng ly cạn với trời đất mệnh mông. Ông uống đến giọt rượu cuối cùng khi cái chai đã rỗng tuếch, bực dọc ông vung tay. Cái chai nhào lộn trong không gian phát ra những tiếng kêu u u như tiếng rên rĩ, khóc than cuối cùng rồi biến mất trong màn đêm.

Nó rơi và chìm lỉm xuống làn nước lạnh lùng, không để lại một dấu vết nào trên mặt biển mịt mù. Chuyện đời ông rồi cũng sẽ như thế. Ông thấy vầng vất say. Say thì say nhưng sâu lại càng sâu.

*

Hôm sau ông Lương đón xe về lại Đà Nẵng. Cô con gái út khi nhìn thấy cha chợt la lên hoảng hốt. Chỉ xa có mấy hôm mà ông bỗng tàn tạ một cách kinh khủng, thần sắc như tiêu tán. Cô gái đâu có biết là trong lòng cha cô - một người lính già, vừa chít thêm một mảnh khăn tang cho mối tình oan nghiệt./-

TiênSha - LêLuyên